TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOẰNG HOÁ
tỉnh Thanh Hoá

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 63/2018/HSST
Ngày 27/7/2018

NHÂN DANH
N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOẰNG HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Ph- ơng Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Hải

2. Ông Lê Trọng Tiến

Th- ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Văn Binh - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Hoằng Hoá

Đại diện VKSND huyện Hoằng Hoá tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Hùng Mạnh- KSV.

Ngày 27 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hoằng Hoá mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 60/2018/HSST ngày 26 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2018/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 7 năm 2018 đối với bị cáo:

Lê Công S (Tên gọi khác: Lê Trọng S) - Sinh năm 1991; STQ: Thôn A, xã S, huyện B, tỉnh T. Trình độ văn hoá: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Lê Trọng Q và bà Đồng Thị H. Chưa có vợ con, gia đình có hai anh em, bị cáo là con đầu.

Nhân thân: Ngày 22/6/2007 bị TAND Quận M xử phạt 06 tháng cải tạo không giam giữ về tội "Trộm cắp tài sản'' (trị giá 650.000đ); Ngày 09/4/2013 bị Công an huyện T xử phạt vi phạm hành chính 1.000.000đ về hành vi Trộm cắp tài sản.

Tiền án: 03: Ngày 21/01/2010 bị Tòa án nhân dân quận M, TP H xử phạt: 10 tháng tù, về tội:Trộm cắp tài sản; Ngày 16/12/2011 bị Tòa án thành phố Đ xử phạt 15 tháng tù, về tội: Trộm cắp tài sản; Ngày 30/10/2013 bị Tòa án nhân dân huyện N, Tỉnh T xử phạt 30 tháng tù về tội: Trộm cắp tài sản. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 15/12/2015.

Bị can bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/10/2017. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

Người bị hại: Bến xe khách huyện Hoằng Hóa

Địa chỉ: Thôn 3, xã V, huyện H, tỉnh T

Người đại diện: Bà Nguyễn Thị Hồng H- Trưởng ban quản lý. Vắng mặt.

Nguyên đơn dân sự: Công ty TNHH S

Địa chỉ: Số 183 phố Đ, thị trấn B, huyện H, tỉnh T.

Người đại diện: Bà Phạm Thị M- giám đốc Công ty. Có mặt

Người làm chứng:

1. Hoàng Văn H- sinh năm 1967. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 3, xã V, huyện H, tỉnh T.

2. Vũ Duy Q- sinh năm 1971. Vắng mặt.

Địa chỉ: phố S, xã L, huyện Y, tỉnh B

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12h ngày 03/10/2017, Lê Công S đi xe buýt từ thành phố T, tỉnh TH xuống nhà bạn là C - ở thôn 3, xã V, huyện H, tỉnh T chơi. Đến khoảng 19h 30' cùng ngày, Lê Công S đi bộ ra khu vực Bến xe khách huyện H, thuộc Thôn 3, xã V tìm chỗ ngủ. Khi đi đến Bến xe, S nhìn thấy không có người trông coi bảo vệ nên đã đi vào trong Bến xe đến bên chiếc xe ô tô khách loại xe 29 chỗ ngồi nhãn hiệu COUNTY HD biển số 36B-000.45 của Công ty TNHH S, ở thị trấn B, do bà Phạm Thị M – sinh năm 1958 là giám đốc, đang gửi tại Bến xe khách huyện H thuộc Công ty P, do bà Nguyễn Thị Hồng H – là phó giám đốc kiêm bảo vệ, quản lý Bến xe. S mở cửa lên xe ô tô thấy chìa khóa ở táp-lô trong xe ô tô nên lấy chìa khóa cắm vào ổ khóa khởi động thấy xe ô tô nổ máy đã nảy sinh ý định trộm cắp. S điều khiển xe ô tô biển số 36B- 000.45 chạy ra khỏi bến xe, đi theo hướng Thành phố T. Đến khu vực chợ vườn hoa, thành phố T thấy thiết bị giám sát hành trình (định vị) của xe ô tô đang hoạt động, S đã tắt thiết bị rồi điều khiển xe ô tô đi theo đường Hồ Chí Minh, hướng đi tỉnh Hòa Bình. Khi đến khu vực cây xăng thuộc xã L, huyện Y, tỉnh B, S đỗ xe ô tô lại nghỉ qua đêm. Đến khoảng hơn 09h ngày 04/10/2017 S điều khiển xe ô tô đi ăn sang và nhìn thấy bên cạnh quán ăn sáng có ga ra sửa chửa ô tô của Vũ Duy Q – sinh năm 1971, ở xã L , huyện, Y, tỉnh B, trên biển hiệu có ghi " Mua bán, sửa chửa ô tô" và số điện thoại. Sau khi ăn sáng xong, S điều khiển xe ô tô 36B- 000.45 đi cách ga ra của anh Q khoảng 200m rồi dừng lại và nhờ điện thoại của người đi đường gọi cho anh Q đặt vấn đề bán xe ô tô, sau đó đưa xe ô tô đến cho anh Q xem, thấy xe ô tô bán với giá 30.000.000đồng và không có giấy tờ của xe ô tô nghi là tài sản bất minh. Anh Q nói S tránh mặt đi để chờ người mua đến xem xe ô tô và đưa cho S mượn xe máy điện biển số

28MĐ7- 004.17 đến uống nước ở quán của chị Hồ Thị D – Sinh năm 1985 ở cùng xã L . Sau đó anh Q điện báo cho Trạm tuần tra kiểm soát giao thông đường Hồ Chí Minh, thuộc phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh B kiểm tra xác định là vật chứng của vụ án mà Cơ quan điều tra Công an huyện H đang truy tìm đã thông báo cho Cơ quan điều tra Công an huyện H ra lệnh bắt khẩn cấp đối với Lê Công S, đưa người và phương tiện về Cơ quan điều tra Công an huyện H.

Sau khi vụ án xảy ra, đại diện Công ty TNHH S, do bà Phạm Thị M – là giám đốc đã thông báo với bà Nguyễn Thị Hồng H – Sinh năm 1972, ở Thôn 3 xã V, huyện H, là người quản lý bến xe, tổ chức truy tìm xe và báo cáo với Cơ quan điều tra Công an huyện H.

Cơ quan điều tra Công an huyện H đã tổ chức khám nghiệm hiện trường, ra thông báo truy tìm vật chứng và điện báo đến các chốt giao thông của các tỉnh từ tỉnh Hđến HN và tỉnh B phối hợp truy tìm.

Theo báo cáo của bà Phạm Thị M- Giám đốc Công ty TNHH S, chiếc xe ô tô biển số 36B- 000.45 mua ngày 24/01/2011 với giá 795.000.000đồng. Hiện tại trị giá khoảng 500.000.000đồng. Cơ quan điều tra Công an huyện H đã tiến hành kiểm tra phương tiện xe ô tô 36B- 000.45 xác định tình trạng xe hoạt động bình thường, không hư hỏng gì và tại thời điểm kiểm tra không có lốp dự phòng. Đồng thời ra quyết định trưng cầu định giá tài sản số 144 ngày 11/10/2017. Tại kết luận định giá tài sản số 173 ngày 13/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Hoằng Hóa kết luận: Chiếc xe ô tô biển số 36B- 000.45 của Công ty TNHH S bị trộm cắp trị giá 400.000.000đồng.

Quá trình điều tra, bị can Lê Công S khai nhận: Do trước đây là phụ xe cho Công ty TNHH S, thường xuyên theo xe ô tô vào và ra khỏi bến xe. Nên khi tìm thấy chìa khóa xe ô tô và khởi động xe ô tô nổ máy đã nảy sinh ý định trộm cắp và điều khiển xe ô tô biển số 36B- 000.45 ra khỏi bến xe đi lên thành phố Thanh Hóa và đi theo đường Hồ Chí Minh hướng ra tỉnh B. Khi đến khu vực xã L, huyện Y, tỉnh B, S tìm nơi tiêu thụ bán lấy tiền chi tiêu cá nhân thì bị phát hiện, bắt giữ cùng vật chứng của vụ án là chiếc xe ô tô biển số 36B- 000.45.

Trong quá trình điều tra vụ án, ngày 20/10/2017 bà Phạm Thị M- Đại diện cho Công ty TNHH S còn báo cáo bị mất 01 cụm lốp dự phòng và 01 tay quay trị giá 7.400.000đồng, Cơ quan điều tra Công an huyện H qua hai lần điều tra bổ sung không chứng minh được người đã lấy cụm lốp dự phòng và tay quay.

Tại phiên toà, đại diện công ty TNHH S yêu cầu bà H phải bồi thường chi phí tìm xe là 17 triệu đồng nhưng không xuất trình được chứng cứ và yêu cầu bà H bồi

thường số tiền do cụm lốp dự phòng và tay quay đã mất là 2.400.000đ (tổng= 7.400.000đ, đã bồi thường được 5.000.000đ)

Tại phiên tòa , Kiểm sát viên duy trì công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật nêu trên. Mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng cho bị cáo là từ 12 đến 13 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự : Không chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH S yêu cầu bến xe khách H bồi thường chi phí tìm xe, buộc bị cáo Lê Công S phải bồi thường nốt số tiền 2.400.000đ cho CT TNHH S (Trong tổng só 7.400.000đ là giá trị cụm lốp dự phòng và tay quay thì bến xe khách H đã bồi thường được 5.000.000đ)

Bị cáo Lê Công S đồng ý với tội danh mà VKS ND huyện H truy tố; Bị cáo nói lời nói sau cùng: Xin cho bị cáo được giảm nhẹ hình phạt;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, VKSND huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Các bị cáo và người bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về điều luật áp dụng: Bị cáo phạm tội vào ngày 03/10/2017 là thời điểm mà BLHS 2015 chưa có hiệu lực pháp luật, so với BLHS 1999 và 2015 thì khung hình phạt là tương đương nên áp dụng BLHS 1999 để xét xử đối với bị cáo.

[3]Về chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội của bị cáo Lê Công S: Tại phiên tòa bị cáo Lê Công S đã thành khẩn khai nhận: Vào khoảng 20g ngày 03/10/2017, sau khi đi ăn cơm với bạn bị cáo đã ra bến xe H thuộc thôn 3, xã V, với mục đích lợi dụng sơ hở để trộm cắp tài sản. Khi ra bến bị cáo thấy chiếc xe BKS 36B-00045 của nhà xe Q có chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa, bị cáo đã nổ máy xe điều khiển xe ra khỏi bến xe đi lên Thành phố T đi theo đường Hồ Chí Minh hướng ra tỉnh B. Khi đến khu vực xã L, huyện Y, tỉnh B, bị cáo tìm nơi tiêu thụ bán lấy tiền chi tiêu cá nhân thì bị bắt giữ. Chiếc xe mà bị cáo chiếm đoạt được Hội đồng định giá định giá = 400.000.000đ(bốn trăm triệu đồng)

Lời khai của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu chứng cứ từ người làm chứng, người bị hại, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan thống nhất nội dung bản cáo trang của VKS ND Huyện H nên HĐXX đã đủ cơ sở để kết luận: Bị cáo Lê Công S phạm tội '' Trộm cắp tài sản'' được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 138 BLHS 1999.

[4] Xét tính chất của vụ án: Bị cáo Lê Công S đã từng có nhân thân xấu và có 03 tiền án về tội Trộm cắp tài sản, nay bị cáo lại tiếp tục phạm tội mới cũng là tội Trộm cắp tài sản; Tài sản mà bị cáo chiếm đoạt là xe ô tô chở khách chứng tỏ bị cáo rất coi thường pháp luật, biết lợi dụng sơ hở và điểm yếu của những người quản giữ tài sản để thực hiện hành vi. Do vậy, lần xét xử này cần lên cho bị cáo mức án nghiêm khắc hơn, để vừa giáo dục, vừa trừng trị, làm gương trong xã hội.

Xét các tình tiết tăng nặng: Bị cáo chịu một tình tiết tăng nặng là'' tái phạm nguy hiểm'' quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS 2015.

Xét các tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo được hưởng một tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự 2015.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Chiếc xe ô tô 36B- 000.45 đã được trả lại cho Công ty TNHH Hà Sơn Hải nên không xét;

Về yêu cầu của Công ty TNHH S: Công ty S yêu cầu bên bị hại phải bồi thường chi phí tìm xe và cụm lốp dự phòng và tay quay đã bị mất, do người bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt, các hồ sơ tài liệu đã có chưa đủ cơ sở để chứng minh, nên HĐXX không xem xét yêu cầu này mà dành quyền dân sự cho các bên khi đủ tài liệu chứng cứ Tòa án sẽ thụ lý giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

***Áp dụng*:** Điểm a, khoản 3 Điều 138 Bộ luật hình sự 1999, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 BLHS 2015

Tuyên bố: Bị cáo Lê Công S (Lê Trọng S) phạm tội ***"Trộm cắp tài sản".***

Xử phạt: Bị cáo Lê Công S (Lê Trọng S): 12 (Mười hai) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/10/2017.

Dành quyền dân sự cho nguyên đơn dân sự và người bị hại đối với yêu cầu đòi bồi thường chi phí tìm xe, đòi bồi thường tiền đối với cụm lốp dự phòng và tay quay đã bị mất bằng một vụ án dân sự khác, khi có yêu cầu.

***Về án phí*:** Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS 2015; Điểm a, điểm c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Lê Công S (Lê Trọng S) phải nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Tr- ờng hợp bản án đ- ợc thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án thì ng- ời đ- ợc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc c- ỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án đ- ợc quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo và nguyên đơn dân sự đ- ợc quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận
- Toà án nhân dân Tỉnh
- Viện kiểm sát HH
- Thi hành án HH
- UBND xã
- Bị cáo
- L- u

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lê Thị Ph- ơng Thanh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Văn Hải ***Lê Trọng Tiến*** ***Lê Thị Ph□ơng Thanh***

Nơi nhận
- Toà án nhân dân Tỉnh
- Viện kiểm sát HH
- Thi hành án HH
- UBND xã
- Bị cáo
- L- u

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lê Thị Ph- ơng Thanh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Minh Hùng Trịnh Thị Loan ***Lê Thị Ph□ơng Thanh***

Nơi nhận
- Toà án nhân dân Tỉnh
- Viện kiểm sát HH
- Thi hành án HH
- UBND xã
- Bị cáo
- L- u

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lê Thị Ph□ơng Thanh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Mai Văn Linh ***Lê Hồng Hải*** ***Lê Thị Ph□ơng Thanh***

Nơi nhận
- Toà án nhân dân Tỉnh
- Viện kiểm sát HH
- Thi hành án HH
- UBND xã
- Bị cáo
- L- u

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lê Thị Ph□ơng Thanh